VĂN PHÒNG VĂN ĐẾN
Ngày: 2-7-26
Vào sổ số: 1556
Quyển đơn vị:

- BGH
- Khoa SauĐT; P. QLĐT
- Phòng TH (thông tin)

Kg. Hiệu trưởng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 50 /2026/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2026

THÔNG TƯ

Hướng dẫn triển khai đào tạo trình độ tiến sĩ, trình độ thạc sĩ cho giảng viên các cơ sở giáo dục đại học theo Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 – 2030

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019; Luật Giáo dục số 123/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 37/2025/NĐ-CP ngày 26/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 - 2030;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư Hướng dẫn triển khai đào tạo trình độ tiến sĩ, trình độ thạc sĩ cho giảng viên các cơ sở giáo dục đại học theo Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 - 2030.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này hướng dẫn việc tổ chức triển khai đào tạo trình độ tiến sĩ, trình độ thạc sĩ cho giảng viên các cơ sở giáo dục đại học theo Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu

đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 - 2030 (sau đây viết tắt là Đề án), bao gồm: những quy định chung; đối tượng và tiêu chuẩn nhận kinh phí hỗ trợ từ Đề án; quyền và trách nhiệm của người học; yêu cầu và tiêu chí xét chọn ngành, cơ sở đào tạo; trách nhiệm và quyền hạn của cơ sở đào tạo, cơ sở cử đi và tổ chức thực hiện Đề án.

2. Thông tư này áp dụng đối với các cơ sở giáo dục đại học, các tổ chức và cá nhân có liên quan đến thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ, trình độ thạc sĩ cho giảng viên các cơ sở giáo dục đại học trong phạm vi Đề án.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. *Cơ sở cử đi* là cơ sở giáo dục đại học trong nước (không bao gồm những cơ sở giáo dục đại học tư thục có vốn đầu tư nước ngoài) có nhu cầu nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên ở trình độ tiến sĩ trong phạm vi Đề án.

2. *Cơ sở đào tạo* là cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu, tổ chức giáo dục trong nước và ở nước ngoài được cấp có thẩm quyền của nước sở tại cho phép tổ chức đào tạo và cấp bằng tiến sĩ, bằng thạc sĩ; đáp ứng quy định của Thông tư này, được Bộ Giáo dục và Đào tạo xét chọn và công bố trong phạm vi Đề án.

3. *Giảng viên cơ hữu* là nhà giáo cơ hữu được tuyển dụng và thực hiện chế độ làm việc toàn thời gian tại duy nhất cơ sở giáo dục đại học cử giảng viên đi học theo Đề án.

4. *Giảng viên nguồn* là những người đã trúng tuyển hoặc đang theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ trong nước, nước ngoài hoặc liên kết trong nước và nước ngoài nhưng không thuộc đối tượng của Đề án Đào tạo giảng viên có trình độ tiến sĩ cho các trường đại học và cao đẳng giai đoạn 2010 - 2020 (theo Quyết định số 911/QĐ-TTg ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ), cam kết trở thành giảng viên các cơ sở giáo dục đại học tại Việt Nam.

5. *Người học* là giảng viên cơ hữu, giảng viên nguồn đáp ứng quy định của Thông tư này, được cơ sở cử đi tuyển chọn và được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt cấp kinh phí hỗ trợ từ Đề án trong thời gian theo học các chương trình đào tạo tiến sĩ, thạc sĩ, trong đó người học tiến sĩ là người học chương trình đào tạo tiến sĩ, người học thạc sĩ là người học chương trình đào tạo thạc sĩ.

Điều 3. Trình độ, ngành đào tạo và hình thức đào tạo

1. Trình độ và ngành đào tạo trong phạm vi Đề án bao gồm:

a) Đào tạo trình độ tiến sĩ tất cả các ngành; ưu tiên những ngành được xác định cần tập trung đào tạo trong chiến lược phát triển nhân lực trình độ cao của Việt Nam ở từng thời điểm cho đến năm 2030 và trong giai đoạn tiếp theo;

b) Đào tạo trình độ thạc sĩ các ngành thuộc lĩnh vực nghệ thuật và nhóm ngành thể dục, thể thao.

2. Hình thức đào tạo bao gồm:

a) Đào tạo tập trung toàn thời gian trong nước;

b) Đào tạo tập trung toàn thời gian ở nước ngoài;

c) Liên kết đào tạo trình độ tiến sĩ một phần thời gian học tập trung trong nước và một phần thời gian học tập trung ở nước ngoài, trong đó thời gian đào tạo ở nước ngoài tối đa không quá 02 năm.

Điều 4. Chính sách hỗ trợ người học

1. Nội dung và mức chi kinh phí hỗ trợ người học thực hiện theo Thông tư số 30/2022/TT-BTC ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính thực hiện Đề án.

2. Kinh phí hỗ trợ cấp cho người học theo thời gian đào tạo chính thức của cơ sở đào tạo, không bao gồm thời gian kéo dài theo quy định của cơ sở đào tạo. Nếu người học đã nhập học chính thức trước khi được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định phê duyệt hỗ trợ kinh phí từ Đề án, kinh phí được cấp từ ngày Quyết định có hiệu lực.

Chương II
ĐỐI TƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN NHẬN KINH PHÍ HỖ TRỢ ĐỀ ÁN, QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI HỌC

Điều 5. Đối tượng và tiêu chuẩn nhận kinh phí hỗ trợ từ Đề án

1. Giảng viên cơ hữu, giảng viên nguồn được nhận kinh phí hỗ trợ từ Đề án khi đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Là công dân Việt Nam; tuổi không quá 45 (tính theo năm) trong năm cơ sở cử đi đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt hỗ trợ kinh phí từ Đề án để đi học; không trong thời gian bị xem xét, xử lý kỷ luật hoặc thi hành kỷ luật từ khiển trách trở lên; không thuộc trường hợp không được xuất cảnh, nhập cảnh theo quy định của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam số 49/2019/QH14 ngày ngày 22 tháng 11 năm 2019; Luật số 23/2023/QH15 ngày 24/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam của Quốc hội.

b) Đi học chương trình đào tạo tiến sĩ lần đầu tiên;

c) Đáp ứng yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo, được cơ sở đào tạo tiếp nhận vào học chính thức trong năm đăng ký đi học hoặc đang theo học chương trình đào tạo tiến sĩ và thời gian học tập còn tối thiểu 18 tháng tại thời điểm cơ sở cử đi đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt hỗ trợ kinh phí từ Đề án để đi học;

d) Chưa nhận hoặc chưa cam kết nhận học bổng toàn phần từ ngân sách Nhà nước hoặc từ các nguồn kinh phí khác cho việc học tập, nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ tính đến thời điểm đăng ký tham gia Đề án.

2. Đối tượng nhận kinh phí hỗ trợ từ Đề án để đi học thạc sĩ phải là giảng viên cơ hữu giảng dạy những ngành đào tạo thuộc lĩnh vực nghệ thuật và nhóm ngành thể dục, thể thao của các cơ sở cử đi thuộc khối văn hóa, nghệ thuật và thể dục, thể thao.

Điều 6. Quyền và trách nhiệm của người học

1. Người học có các quyền sau:

a) Được cấp kinh phí hỗ trợ của Đề án theo quy định tại Điều 4 Thông tư này;

b) Được cơ sở cử đi tạo điều kiện, bố trí thời gian để hoàn thành chương trình đào tạo và tiếp nhận trở lại đối với giảng viên cơ hữu hoặc tuyển dụng làm giảng viên cơ hữu đối với giảng viên nguồn;

c) Được nhận thêm hỗ trợ tài chính từ các tổ chức, cá nhân khác trong quá trình học tập, nghiên cứu trong trường hợp khoản hỗ trợ tài chính này không phải là học bổng toàn phần, đồng thời không có mâu thuẫn giữa quyền lợi và trách nhiệm của người học được nhận hỗ trợ kinh phí của Đề án với quyền lợi và trách nhiệm của người học được nhận hỗ trợ tài chính theo quy định của các tổ chức, cá nhân này;

2. Người học có các trách nhiệm sau:

a) Tuân thủ quy định và chịu sự quản lý của cơ sở đào tạo trong thời gian học tập, nghiên cứu; báo cáo cơ sở cử đi tiến độ, kết quả học tập và nghiên cứu sau khi kết thúc mỗi kỳ học, năm học trong thời gian đào tạo và khi tốt nghiệp chương trình đào tạo;

b) Hoàn thành chương trình đào tạo và được cấp bằng tiến sĩ, bằng thạc sĩ theo quy định của cơ sở đào tạo;

c) Trong thời gian học tập, nghiên cứu hoặc chậm nhất trong 12 tháng sau khi tốt nghiệp, người học tiến sĩ phải công bố kết quả nghiên cứu liên quan trực tiếp tới đề tài luận án, được minh chứng bằng ít nhất 02 công bố khoa học đối với người học tập trung toàn thời gian ở nước ngoài, hoặc ít nhất 01 công bố khoa học đối với người học ở các hình thức còn lại trong các ấn phẩm thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây viết tắt là WoS/Scopus) với tư cách là tác giả chính hoặc tác giả liên hệ, có ghi tên cơ sở cử đi. Riêng đối với người học tiến sĩ các ngành thuộc lĩnh vực nghệ thuật và nhóm ngành thể dục thể thao có thể thay thế công bố khoa học bằng 01 giải thưởng chính thức của các cuộc thi quốc gia hoặc quốc tế được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận và đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố;

d) Tự bảo đảm tài chính để hoàn thành chương trình đào tạo đối với những nội dung chi ngoài quy định tại Điều 4 Thông tư này;

đ) Thực hiện trách nhiệm của người học theo pháp luật của nước sở tại và theo quy định hiện hành đối với công dân Việt Nam khi học tập, nghiên cứu ở nước ngoài;

e) Trở về công tác tại cơ sở cử đi sau khi tốt nghiệp và làm việc tối thiểu trong thời gian đã cam kết với cơ sở cử đi;

g) Thực hiện bồi hoàn kinh phí hỗ trợ đã nhận từ Đề án nếu không thực hiện đầy đủ các trách nhiệm quy định tại Điều này.

Điều 7. Quy định đối với người học trong quá trình đào tạo

1. Người học có nguyện vọng chuyển ngành đào tạo hoặc chuyển cơ sở đào tạo không vì lý do bị kỷ luật hoặc bị buộc thôi học phải có đơn đề nghị và được cơ sở cử đi chấp thuận. Kinh phí hỗ trợ của Đề án tiếp tục được cấp cho người học nếu đáp ứng những yêu cầu sau:

a) Ngành, cơ sở đào tạo chuyển đến đáp ứng yêu cầu của Đề án;

b) Mức kinh phí hỗ trợ người học đối với ngành học tại cơ sở đào tạo chuyển đến bằng hoặc thấp hơn mức kinh phí người học được hỗ trợ khi theo học ngành học tại cơ sở đào tạo chuyển đi. Tổng kinh phí người học được hỗ trợ khi theo học tại ngành, cơ sở đào tạo chuyển đến bằng tổng kinh phí người học được hỗ trợ khi theo học tại ngành, cơ sở đào tạo chuyển đến theo quy định tại Điều 4 Thông tư này trừ đi số kinh phí đã nhận khi theo học ngành, cơ sở đào tạo chuyển đi. Trong trường hợp mức chi theo ngành hoặc cơ sở đào tạo chuyển đến cao hơn, người học tự bảo đảm phần kinh phí chênh lệch nhưng phải thực hiện đầy đủ trách nhiệm của người học theo quy định tại Điều 6 Thông tư này.

2. Kinh phí hỗ trợ sẽ dừng cấp cho người học trong trường hợp người học vi phạm pháp luật dẫn đến bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị kết án tù giam hoặc bị buộc thôi học do vi phạm quy định của cơ sở đào tạo trong quá trình học tập, nghiên cứu.

3. Căn cứ vào đề nghị của cơ sở cử đi, Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, quyết định đối với những nội dung quy định tại Điều này.

Chương III
YÊU CẦU VÀ TIÊU CHÍ XÉT CHỌN NGÀNH, CƠ SỞ ĐÀO TẠO; TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO, CƠ SỞ CỬ ĐI

Điều 8. Yêu cầu và tiêu chí xét chọn ngành, cơ sở đào tạo

1. Ngành, cơ sở đào tạo cho Đề án phải đáp ứng những yêu cầu sau:

a) Đối với cơ sở đào tạo trong nước:

Ngành đào tạo ở trình độ tiến sĩ phải đáp ứng một trong những yêu cầu sau:

- Chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực xếp hạng của thế giới theo bảng xếp hạng đại học quốc tế uy tín từng được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trong 05 năm gần nhất;

- Chương trình đào tạo đang hoạt động đào tạo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại thời điểm cơ sở đào tạo đăng ký đào tạo cho Đề án và đã có ít nhất 03 nghiên cứu sinh tốt nghiệp và được cấp bằng trong vòng 05 năm gần nhất;

Ngành đào tạo ở trình độ thạc sĩ có chương trình đào tạo đang hoạt động đào tạo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại thời điểm cơ sở đào tạo đăng ký đào tạo cho Đề án và đang tổ chức đào tạo liên tục tối thiểu trong 05 năm gần nhất.

b) Đối với cơ sở đào tạo ở nước ngoài:

Chương trình đào tạo ở trình độ tiến sĩ đáp ứng một trong những yêu cầu sau:

- Chương trình đào tạo nằm trong nhóm 500 tốt nhất của những bảng xếp hạng ngành hoặc lĩnh vực đào tạo có uy tín của thế giới (được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận) ít nhất 01 lần trong 05 năm gần nhất tính đến năm Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt người học được nhận kinh phí hỗ trợ từ Đề án;

- Chương trình đào tạo được Bộ Giáo dục và Đào tạo chấp thuận dựa trên đánh giá về chất lượng đào tạo và nghiên cứu được cộng đồng học thuật quốc tế công nhận, truyền thống hợp tác đào tạo cho Việt Nam.

- Ngành, cơ sở đào tạo thuộc lĩnh vực nghệ thuật, thể dục và thể thao (bao gồm cả trình độ tiến sĩ và thạc sĩ) được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận chất lượng đào tạo và đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố.

c) Đối với chương trình liên kết đào tạo: Chương trình đủ điều kiện hoạt động đào tạo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại thời điểm cơ sở đào tạo đăng ký đào tạo cho Đề án và đáp ứng yêu cầu quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này.

2. Những ngành đào tạo của cơ sở đào tạo trong nước đáp ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này được Bộ Giáo dục và Đào tạo xét chọn và công khai kết quả xét chọn căn cứ vào những tiêu chí xếp theo thứ tự ưu tiên như sau:

a) Chương trình đào tạo thuộc ngành, lĩnh vực đào tạo có vị trí xếp hạng cao trong các bảng xếp hạng quốc tế;

b) Chương trình đào tạo có đội ngũ giảng viên có trình độ và chuyên môn cao thể hiện ở số lượng giáo sư, phó giáo sư, số lượng công bố quốc tế, hoặc số đề tài cấp nhà nước, hoặc giải thưởng quốc gia, quốc tế tính trên một giảng viên;

c) Cân đối về cơ cấu ngành hoặc lĩnh vực và theo vùng, miền đối với các cơ sở đào tạo trong nước đáp ứng đủ điều kiện bảo đảm chất lượng.

Điều 9. Trách nhiệm của cơ sở đào tạo

1. Các cơ sở đào tạo trong nước có trách nhiệm:

a) Xây dựng quy định chi tiết về tuyển sinh và tổ chức đào tạo đối với người học trong phạm vi Đề án trên cơ sở quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, quy định của cơ sở đào tạo và những quy định liên quan tại Thông tư này;

b) Tổ chức tuyển sinh, tiếp nhận, quản lý và hỗ trợ người học hoàn thành nhiệm vụ học tập, nghiên cứu trong quá trình đào tạo; phân công những giảng viên có kinh nghiệm và uy tín khoa học để giảng dạy và hướng dẫn người học;

c) Cung cấp thông tin cho cơ sở cử đi và cơ quan có thẩm quyền về kết quả học tập và tiến độ học tập của người học khi có yêu cầu;

d) Thông báo cho cơ sở cử đi khi người học vi phạm hoặc không tuân thủ quy định của cơ sở đào tạo;

đ) Từ chối tiếp nhận, xử lý vi phạm hoặc cho thôi học khi người học không đáp ứng được yêu cầu về chuyên môn hoặc không tuân thủ quy định của cơ sở đào tạo;

e) Chủ trì và phối hợp với cơ sở cử đi quyết định việc cử người học tham dự hội thảo, hội nghị hoặc thực tập ngắn hạn ở nước ngoài để hỗ trợ nghiên cứu, hoàn thiện báo cáo hoặc bài báo khoa học liên quan đến đề tài luận án công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục WoS/Scopus;

g) Lưu trữ các văn bản, tài liệu liên quan theo quy định của Thông tư này và các quy định hiện hành có liên quan khác.

2. Cơ sở đào tạo ở nước ngoài quản lý người học trong quá trình đào tạo; phối hợp, cung cấp thông tin về tiến độ và kết quả học tập của người học cho cơ sở cử đi khi có yêu cầu và theo quy định của cơ sở đào tạo, của pháp luật nước sở tại.

Điều 10. Trách nhiệm của cơ sở cử đi

1. Xây dựng kế hoạch đào tạo giảng viên theo Đề án từng năm và đến năm 2030 phù hợp với chiến lược phát triển đội ngũ giảng viên của cơ sở.

2. Bồi dưỡng tạo nguồn; hỗ trợ giảng viên về ngoại ngữ và những kỹ năng khác đáp ứng điều kiện tuyển sinh của các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước nhằm tăng cường khả năng hoàn thành nhiệm vụ học tập và nghiên cứu của giảng viên.

3. Xây dựng và ban hành quy định chi tiết của cơ sở về việc cử giảng viên đi học tập, nghiên cứu theo Đề án, bao gồm quy định về yêu cầu chuyên môn và năng lực nghiên cứu tối thiểu đối với giảng viên có nguyện vọng đi học theo Đề án, quy định về quyền và trách nhiệm của người học nếu cơ sở có yêu cầu cao hơn đối với giảng viên đi học theo quy định tại Điều 6 của Thông tư này, mẫu hợp đồng đào tạo giảng viên nguồn, quy trình tổ chức xét chọn giảng viên đi học và quy định về việc bồi hoàn kinh phí hỗ trợ của Đề án trong trường hợp người học không thực hiện cam kết với cơ sở cử đi. Quy định của cơ sở phải đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành có liên quan tại các văn bản quy phạm pháp luật.

4. Tổ chức xét chọn công khai, minh bạch và bảo đảm công bằng; chịu trách nhiệm giải trình về quy trình xét chọn giảng viên cơ hữu, giảng viên nguồn đi đào tạo đúng đối tượng và đủ điều kiện; giải quyết những phát sinh thuộc thẩm quyền trong quá trình triển khai Đề án tại cơ sở.

5. Hỗ trợ người học liên hệ hoặc kết nối người học với những cơ sở đào tạo trong và ngoài nước đáp ứng quy định tại Điều 8 của Thông tư này.

6. Phối hợp với cơ sở đào tạo quản lý, hỗ trợ người học trong quá trình học tập và nghiên cứu, bao gồm việc xem xét những đề nghị thay đổi của người học trong quá trình đào tạo, phối hợp với cơ sở đào tạo trong việc cử người học tham dự hội thảo, hội nghị hoặc thực tập ngắn hạn ở nước ngoài; tuyển dụng giảng viên nguồn, phân công công tác đối với giảng viên cơ hữu đã tốt nghiệp chương trình đào tạo trong thời gian tối đa 12 tháng kể từ thời điểm người học hoàn thành chương trình đào tạo và đôn đốc người học thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ đã cam kết.

7. Thực hiện chế độ báo cáo, lưu trữ văn bản, tài liệu liên quan theo quy định hiện hành và theo quy định của Thông tư này; quản lý thông tin về người học, cập nhật thông tin về người học và những thay đổi trong quá trình đào tạo vào hệ thống cơ sở dữ liệu về Đề án theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

8. Thực hiện hoặc hỗ trợ thủ tục chi trả kinh phí cho người học theo quy định tại Điều 4 Thông tư này; chịu trách nhiệm về số liệu, thông tin liên quan tới người học trong quá trình học tập, nghiên cứu; thu hồi chi phí hỗ trợ đào tạo người học đã nhận của Đề án hoặc bồi hoàn chi phí đào tạo cho Nhà nước trong trường hợp không tuyển dụng, bố trí công tác cho người đã tốt nghiệp.

9. Thực hiện những hoạt động khác liên quan trong phạm vi Đề án.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Đăng ký đào tạo cho Đề án

1. Đối với hình thức đào tạo toàn thời gian trong nước, những cơ sở đào tạo đáp ứng yêu cầu tại điểm a khoản 1 Điều 8 của Thông tư này gửi văn bản đăng ký về Bộ Giáo dục và Đào tạo trước ngày 30 tháng 9 hằng năm, trong đó mô tả việc đáp ứng các yêu cầu quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 của Thông tư này kèm theo các minh chứng, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các trách nhiệm quy định tại Điều 9 của Thông tư này qua hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục đại học.

2. Đối với hình thức liên kết đào tạo, cơ sở đào tạo trong nước có chương trình liên kết đáp ứng yêu cầu quy định tại điểm c khoản 1 Điều 8 của Thông tư này gửi văn bản đăng ký về Bộ Giáo dục và Đào tạo trước ngày 30 tháng 9 hằng năm qua hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục đại học, trong đó mô tả việc đáp ứng các yêu

cầu quy định tại điểm c khoản 1 Điều 8 của Thông tư này kèm theo các minh chứng, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các trách nhiệm quy định tại Điều 9 của Thông tư này.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố danh sách ngành, cơ sở đào tạo trong nước; tên bảng xếp hạng đáp ứng yêu cầu của Đề án trước ngày 30 tháng 10 hằng năm.

Điều 12. Xây dựng kế hoạch đào tạo, phê duyệt hỗ trợ kinh phí và Quyết định cử cá nhân đi học

1. Căn cứ nhu cầu nâng cao trình độ giảng viên, cơ sở cử đi xây dựng kế hoạch xét chọn và cử giảng viên cơ hữu, giảng viên nguồn đi học theo Đề án của năm kế tiếp, gửi số lượng người học theo mẫu tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này về Bộ Giáo dục và Đào tạo trước ngày 15 tháng 4 hằng năm, đồng thời cập nhật vào hệ thống cơ sở dữ liệu về Đề án theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Căn cứ số lượng người học do các cơ sở cử đi đăng ký, Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng kế hoạch đào tạo của năm kế tiếp, lập dự toán kinh phí và gửi Bộ Tài chính theo quy định tại Thông tư số 30/2022/TT-BTC ngày 03 tháng 6 năm 2022.

3. Trên cơ sở tổng dự toán đã được thẩm định và phê duyệt, trong trường hợp cần thiết, Bộ Giáo dục và Đào tạo có thể yêu cầu các cơ sở cử đi điều chỉnh số lượng người học được nhận kinh phí hỗ trợ từ Đề án theo mẫu tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo trước ngày 01 tháng 01 và cập nhật vào hệ thống cơ sở dữ liệu về Đề án.

4. Cơ sở cử đi báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo danh sách giảng viên được xét chọn đi học trước ngày 30 tháng 3 hàng năm theo mẫu tại Phụ lục II kèm theo Quyết định phê duyệt danh sách giảng viên được xét chọn đi học của cơ sở và cập nhật danh sách giảng viên vào hệ thống cơ sở dữ liệu về Đề án.

5. Khi người học có thông báo trúng tuyển từ cơ sở đào tạo, cơ sở cử đi gửi văn bản đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt hỗ trợ kinh phí từ Đề án kèm theo thông báo trúng tuyển của người học. Văn bản đề nghị của cơ sở cử đi phải ghi đầy đủ thông tin về người học, tên chương trình đào tạo, tên lĩnh vực đào tạo, tên cơ sở đào tạo và nước đến học. Đối với người học ở nước ngoài, tên chương trình đào tạo, tên lĩnh vực đào tạo, tên cơ sở đào tạo phải ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Thông báo trúng tuyển của người học phải được dịch ra tiếng Việt, có dấu xác nhận của cơ sở cử đi. Thông báo trúng tuyển có thể là thông báo trúng tuyển có điều kiện và điều kiện là người học có sự đảm bảo về tài chính để đi học từ Đề án.

Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị của cơ sở cử đi kèm theo thông báo trúng tuyển của người học qua hệ thống eoffice của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc theo dấu đến của bưu điện, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định phê duyệt hỗ trợ kinh phí từ Đề án đối với người học hoặc thông báo bằng văn bản đối với những trường hợp không được phê duyệt.

6. Quyết định cử cá nhân đi học:

a) Đối với người học trong nước hoặc học theo chương trình liên kết đào tạo, thủ trưởng cơ sở cử đi ra quyết định cử đi học và hoàn thiện hồ sơ tài chính của người học.

b) Đối với người học ở nước ngoài, Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định cử đi học. Cơ sở cử đi gửi văn bản đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định cử đi học kèm theo thông báo trúng tuyển không có điều kiện của người học về Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thông báo trúng tuyển phải được dịch ra tiếng Việt, có dấu xác nhận của cơ sở cử đi.

Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị của cơ sở cử đi qua hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục đại học, Bộ Giáo dục và Đào tạo ra Quyết định cử cá nhân đi học, gửi cơ sở cử đi để hoàn thiện hồ sơ tài chính của người học.

7. Trong vòng 06 tháng kể từ khi người học được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt hỗ trợ kinh phí từ Đề án, người học phải nhập học chính thức vào cơ sở đào tạo. Quá thời hạn này, nếu người học không nhập học chính thức tại cơ sở đào tạo sẽ bị loại khỏi danh sách phê duyệt quy định tại khoản 5 Điều này.

Điều 13. Bảo lưu kết quả xét chọn theo Quyết định phê duyệt của cơ sở cử đi

1. Người học được bảo lưu kết quả xét chọn của cơ sở cử đi tính từ ngày Quyết định phê duyệt danh sách người học được xét chọn được ban hành đến ngày ghi trong thông báo trúng tuyển của cơ sở đào tạo như sau:

a) Tối đa 09 tháng đối với người học tập trung toàn thời gian trong nước và người học các chương trình liên kết đào tạo trình độ tiến sĩ;

b) Tối đa 12 tháng đối với người học tập trung toàn thời gian ở nước ngoài.

2. Trong thời hạn bảo lưu kết quả xét chọn, người học được đề nghị với cơ sở cử đi cho phép điều chỉnh lĩnh vực đào tạo hoặc nước đến học.

Điều 14. Chế độ báo cáo và kiểm tra

1. Chậm nhất trước ngày 20 tháng 12 hằng năm, cơ sở cử đi báo cáo tiến độ học tập của người học theo mẫu tại Phụ lục III kèm theo Thông tư này, Bộ Giáo dục và Đào tạo tổng hợp qua hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục đại học.

2. Cơ sở cử đi, cơ sở đào tạo trong nước có trách nhiệm định kỳ kiểm tra nội bộ, giám sát và tự đánh giá việc tổ chức thực hiện những quy định tại Thông tư này.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo định kỳ tổ chức kiểm tra việc thực hiện Thông tư này tại các cơ sở cử đi và cơ sở đào tạo trong nước.

Điều 15. Hiệu lực thi hành và quy định chuyển tiếp

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày *15* tháng 8 năm 2026 và thay thế Thông tư số 25/2021/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo

dục và Đào tạo hướng dẫn triển khai đào tạo trình độ tiến sĩ, trình độ thạc sĩ cho giảng viên các cơ sở giáo dục đại học theo Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 – 2030.

2. Những đối tượng đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt hỗ trợ kinh phí từ Đề án theo quy định tại Thông tư số 25/2021/TT-BGDĐT tiếp tục thực hiện những quy định tại Thông tư số 25/2021/TT-BGDĐT cho đến khi hoàn thành chương trình đào tạo.

3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc các đại học, học viện; Hiệu trưởng các trường đại học; Viện trưởng các viện nghiên cứu có đào tạo tiến sĩ; Hiệu trưởng hoặc Giám đốc các cơ sở giáo dục khác được phép hoạt động đào tạo trình độ tiến sĩ; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực;
- Các Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (để phối hợp chỉ đạo);
- Công báo; Cổng thông tin điện tử của Chính phủ;
- Các Vụ, Cục, Văn phòng Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Như khoản 2 Điều 15;
- Lưu: VT, PC, GDĐH.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Quân

PHỤ LỤC I

(Kèm theo Thông tư số 23 /2026/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TÊN CƠ QUAN QUẢN LÝ TRỰC TIẾP
TÊN CƠ SỞ CỬ ĐI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐĂNG KÝ CỬ GIẢNG VIÊN ĐI ĐÀO TẠO TIẾN SĨ, THẠC SĨ THEO ĐỀ ÁN 89 NĂM ...

(Kèm theo Công văn số / ngày tháng năm)

I. Đào tạo trình độ tiến sĩ

1. Đào tạo tập trung toàn thời gian trong nước

TT	Lĩnh vực đào tạo	Số lượng
1	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	
2	Nghệ thuật	
3	Kinh doanh và quản lý, pháp luật	
4	Khoa học sự sống, khoa học tự nhiên	
5	Toán, thống kê máy tính, công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, sản xuất và chế biến, kiến trúc và xây dựng, nông lâm nghiệp và thủy sản, thú y	
6	Điều dưỡng - hộ sinh, dinh dưỡng, răng - hàm - mặt (nha khoa), kỹ thuật y học, y tế công cộng, quản lý y tế, khác	
7	Dược học, y học	
8	Nhân văn, khoa học xã hội và hành vi, báo chí và thông tin, dịch vụ xã hội, du lịch, khách sạn, thể dục thể thao, dịch vụ vận tải, môi trường và bảo vệ môi trường	
9	Lĩnh vực khác (ngành ghép, liên ngành)	
	TỔNG	

2. Đào tạo tập trung toàn thời gian ở nước ngoài

TT	Nước đến học	Số lượng
1		
2		
	TỔNG	

3. Đào tạo theo hình thức liên kết

TT	Tên chương trình liên kết	Số lượng
1		
2		
	TỔNG	

II. Đào tạo trình độ thạc sĩ

1. Đào tạo tập trung toàn thời gian trong nước

TT	Lĩnh vực đào tạo	Số lượng
1	Nghệ thuật	
2	Thể dục, thể thao	
TỔNG		

2. Đào tạo tập trung toàn thời gian ở nước ngoài

TT	Nước đến học	Số lượng
1		
2		
TỔNG		

Họ tên cán bộ đầu mối của cơ sở:
Số điện thoại liên hệ:

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ CỬ ĐI
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC II

(Kèm theo Thông tư số 30 /2026/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TÊN CƠ QUAN QUẢN LÝ TRỰC TIẾP
TÊN CƠ SỞ CỬ ĐI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN ĐI HỌC THEO ĐỀ ÁN 89 NĂM ...

(Kèm theo Công văn số / ngày tháng năm)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Đối tượng[1]	Lĩnh vực đào tạo[2]/ tên chương trình đào tạo	Nước đến học	Hình thức đào tạo[3]
1						
2						
...						

[1] Giảng viên cơ hữu hay giảng viên nguồn
[2] Ghi theo 09 lĩnh vực ở Phụ lục I.
[3] Tập trung toàn thời gian trong nước, tập trung toàn thời gian ở nước ngoài hay liên kết đào tạo với nước ngoài.

PHỤ LỤC III

(Kèm theo Thông tư số 50 /2026/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TÊN CƠ QUAN QUẢN LÝ TRỰC TIẾP
TÊN CƠ SỞ CỬ ĐI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO TIẾN ĐỘ HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU CỦA NGƯỜI HỌC THEO ĐỀ ÁN 89

(Kèm theo Công văn số / ngày tháng năm 20...)

1. Đào tạo tập trung toàn thời gian trong nước hoặc ở nước ngoài

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới	Dân tộc	Đối tượng[4]	Ngành học	Trình độ đào tạo[5]	Tên cơ sở đào tạo	Nước đến học	Thời gian đào tạo chính thức[6]	Tiến độ học tập[7]
1											
2											
...											

Danh sách gồm..... người học.

[4] Giảng viên cơ hữu hoặc giảng viên nguồn.
[5] Thạc sĩ hoặc tiến sĩ.
[6] Thời gian đào tạo ghi trong Quyết định công nhận nghiên cứu sinh hoặc văn bản tương đương, không bao gồm thời gian kéo dài.
[7] Rút khỏi Đề án/chưa nhập học/đang học đúng tiến độ/đang gia hạn thời gian học tập/đã tốt nghiệp nhưng chưa về nước/đã tốt nghiệp và đã trở lại công tác.

2. Đào tạo theo hình thức liên kết

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới	Dân tộc	Đối tượng	Ngành học	Cơ sở đào tạo trong nước	Cơ sở đào tạo ở nước ngoài	Thời gian đào tạo chính thức	Tiến độ học tập
1										
2										
...										

Danh sách gồm..... người học.

Họ tên cán bộ đầu mối của cơ sở:
Số điện thoại liên hệ:

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ CỬ ĐI
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)